내 일이 빛나는 기회도시 광주

한국어 (TIẾNG HÀN)
TIẾNG VIỆT (베트남어)

외국인주민
슬기로운 광주생활 가이드

CẨM NANG CUỘC SỐNG GWANGJU THÔNG MINH DÀNH CHO CƯ DÂN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI



광주광역시
(THÀNH PHỐ GWANGJU)

내 일이 빛나는
기회도시 광주

목 차

01 광주 소개 1
02 등록 · 체류 7
03 근로 · 노무 9
04 건강 · 의료 11
05 임신 · 출산 15
06 육아 · 보육 17
07 생활법률 19
08 기타정보 23
09 한국어교육 안내 27
10 편리한 생활전화 29
11 지원 기관 · 단체 31
12 유학생 관련정보 31

영어 (ENGLISH)

중국어 (汉语)

베트남어 (Tiếng Việt)

러시아어 (Русский)

MỤC LỤC

01 GIỚI THIỆU VỀ GWANGJU 2

02 ĐĂNG KÝ VÀ LƯU TRÚ 8

03 LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM 10

04 SỨC KHỎE VÀ Y TẾ 12

05 MANG THAI VÀ SINH CON 16

06 CHĂM SÓC VÀ NUÔI DẠY TRẺ 18

07 PHÁP LUẬT ĐỜI SỐNG 20

08 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC 24

09 THÔNG TIN VỀ GIÁO DỤC TIẾNG HÀN 28

10 CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI HỮU ÍCH TRONG ĐỜI SỐNG 30

11 CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HỖ TRỢ 32

12 THÔNG TIN DÀNH CHO DU HỌC SINH 32

태국어 (ภาษาไทย)

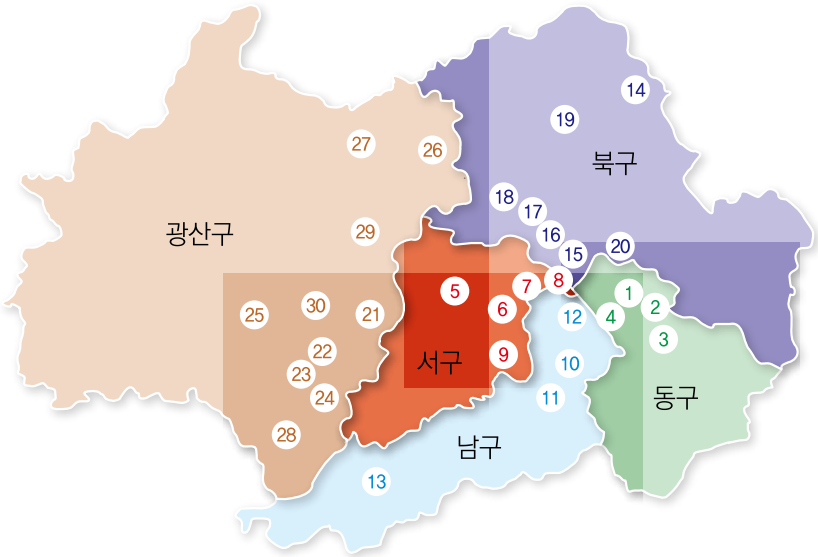
크메르어 (ភាសាខ្មែរ)

몽골어 (Монгол)

01 광주소개

광주광역시(光州)는 한반도의 서남단에 위치하고 동부에 무등산 국립공원이 있고, 도심에 광주천이 흐른다. 호남지방의 경제, 행정, 교육, 문화의 중심도시로서, 광주·전라 지역을 관할하는 관공서와 기업의 지역본부 및 자회사 등이 밀집한 호남권 거점도시이다.

- 인구 – 약 141만 명
- 행정구역 – 5개 구, 96개 동

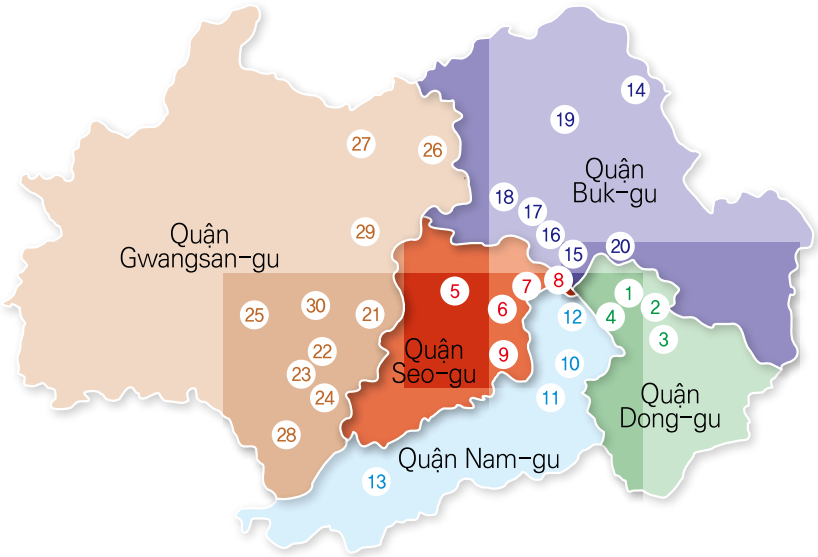


① 국립아시아문화전당 ② 동구청 ③ 조선대학교 ④ 남광주시장 ⑤ 광주광역시청 ⑥ 광주종합버스터미널 ⑦ 서구청 ⑧ 광주월드컵경기장 ⑨ 양동시장 ⑩ 남구청 ⑪ 광주대학교 ⑫ 사직공원 ⑬ 광주에너지밸리 ⑭ 국립5·18민주묘지 ⑮ 북구청 ⑯ 전남대학교 ⑰ 광주비엔날레 ⑱ 국립광주박물관 ⑲ 광주패밀리랜드 ⑳ 말바우시장 ㉑ 광주공항 ㉒ 광산구청 ㉓ 광주송정역 ㉔ 1913송정역시장 ㉕ 호남대학교 ㉖ 남부대학교 ㉗ 하남산업단지 ㉘ 평동산업단지 ㉙ 광주외국인주민지원센터 ㉚ 광주이주민건강센터

GIỚI THIỆU VỀ GWANGJU

Thành phố Gwangju nằm ở phía tây nam của bán đảo Triều Tiên, có công viên quốc gia Mudeungsan nằm ở phía đông và dòng suối Gwangju chảy qua trung tâm. Đây là thành phố trọng điểm và là trung tâm về kinh tế, hành chính, giáo dục và văn hóa của vùng Honam, nơi tập trung các công ty con, trụ sở chi nhánh của các doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước quản lý khu vực Gwangju và Jeolla, v.v..

- Dân số – Khoảng 1.410.000 người
- Quận hành chính – 5 quận, 96 phường



① Trung tâm Văn hóa Quốc gia Asia ② Ủy ban nhân dân quận Dong-gu ③ Đại học Chosun
④ Chợ Namgwangju ⑤ Tòa thị chính thành phố Gwangju ⑥ Bến xe buýt tổng hợp Gwangju
⑦ Ủy ban nhân dân quận Seo-gu ⑧ Sân vận động World Cup Gwangju ⑨ Chợ Yangdong
⑩ Ủy ban nhân dân quận Nam-gu ⑪ Đại học Gwangju ⑫ Công viên Sajik
⑬ Thung lũng Năng lượng Gwangju ⑭ Nghĩa trang Dân chủ Quốc gia 18/5
⑮ Ủy ban nhân dân quận Buk-gu ⑯ Đại học quốc gia Chonnam ⑰ Gwangju Biennale
⑱ Bảo tàng Quốc gia Gwangju ⑲ Gwangju Family Land ⑳ Chợ Malbau ㉑ Sân bay Gwangju
㉒ Ủy ban nhân dân quận Gwangsan-gu ㉓ Ga Songjeong Gwangju ㉔ Chợ ga Songieong 1913
㉕ Đại học Honam ㉖ Đại học Nambu ㉗ Khu công nghiệp phức hợp Hanam
㉘ Khu công nghiệp phức hợp Pyeongdong ㉙ Trung tâm hỗ trợ cư dân người nước ngoài Gwangju
㉚ Trung tâm Y tế người nhập cư Gwangju

동구 | 가볼만한곳

장 소	주 소	연락처
전일빌딩 245	광주 동구 금남로 245	062-225-0245
비움박물관	광주 동구 제봉로 143-1	062-222-6668
광주극장	광주 동구 충장로 5가 62-2	062-224-5858
남광주시장	광주 동구 제봉로17번길 18-6	0507-1492-1101
조선대학교	광주 동구 필문대로 309	062-230-7114
무등현대미술관	광주 동구 증심사길 9	062-223-6677
국립아시아문화전당	광주 동구 문화전당로 38	1899-5566
푸른길 공원	광주 동구 계림동 730	
광주 예술의 거리	광주 동구 궁동 78	
아시아음식문화거리	광주 동구 광산동 문화전당역 3번출구 308m	

서구 | 가볼만한곳

장 소	주 소	연락처
상무시민공원	광주 서구 상무공원로 101 5.18시민공원	062-360-7513
신세계백화점 광주점	광주 서구 무진대로 932 신세계백화점광주점	1588-1234
유스퀘어터미널	광주 서구 무진대로 904	062-360-8114
롯데아울렛 광주 월드컵점	광주 서구 금화로 240	1577-0001
하정웅 미술관	광주 서구 상무대로 1165	062-613-5390
세정아울렛	광주 서구 상무대로 773	062-370-9000
양동시장	광주 서구 천변좌로 238	062-366-0884
상무지구먹자골목	광주 서구 치평동	
풍암호수공원	광주 서구 풍암동 460	
전평제 근린공원	광주 서구 매월동 519-1	

남구 | 가볼만한곳

장 소	주 소	연락처
광주시립수목원	광주 남구 도동길 142	0507-1337-7864
광주공원	광주 남구 중앙로107번길 15	062-672-0660
광주김치타운	광주 남구 김치로 60 김치종합센터	062-613-8222
광주대학교	광주 남구 효덕로 277	062-670-2114
광주사직공원	광주 남구 사직길 49	
빛고을 농촌 테마공원	광주 남구 포충로 966-15	
양림문화역사마을	광주 남구 양림동 문화전당역 1번 출구에서 820m	
펭귄마을	광주 남구 천변좌로446번길 7	
효천물빛노닐터	광주 남구 효천로 140	
푸른길 공원	광주 남구 주월동 434-2	

Quận Dong-gu | Địa điểm nên ghé thăm

Địa điểm	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Tòa nhà Jeonil 245	245, Geumnam-ro, Dong-gu, Gwangju	062-225-0245
Bảo tàng Bium	143-1, Jebong-ro, Dong-gu, Gwangju	062-222-6668
Nhà hát Gwangju	62-2, Chungjangno 5(o)-ga, Dong-gu, Gwangju	062-224-5858
Chợ Namgwangju	18-6, Jebong-ro 17beon-gil, Dong-gu, Gwangju	0507-1492-1101
Đại học Chosun	309, Pilmun-daero, Dong-gu, Gwangju	062-230-7114
Bảo tàng Mỹ thuật đương đại Mudeung	9, Jeungsimsa-gil, Dong-gu, Gwangju	062-223-6677
Trung tâm Văn hóa Châu Á Quốc gia	38, Munhwajeondang-ro, Dong-gu, Gwangju	1899-5566
Công viên Đường Xanh	730, Gyerim-dong, Dong-gu, Gwangju	
Phố nghệ thuật Gwangju	78, Gung-dong, Dong-gu, Gwangju	
Phố văn hóa ẩm thực Asia	Cách cửa ra số 3 ga Trung tâm Văn hóa(Gwangsan-dong, Dong-gu, Gwangju) khoảng 308m	

Quận Seo-gu | Địa điểm nên ghé thăm

Địa điểm	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Công viên Công dân Sangmu	Công viên Công dân 18.5 101, Sangmugongwon-ro, Seo-gu, Gwangju	062-360-7513
Cửa hàng bách hóa Shinsegae Chi nhánh Gwangju	Cửa hàng bách hóa Shinsegae Chi nhánh Gwangju 932, Mujin-daero, Seo-gu, Gwangju	1588-1234
Bến xe U Square	904, Mujin-daero, Seo-gu, Gwangju	062-360-8114
Lotte Outlet Gwangju World Cup	240, Geumhwa-ro, Seo-gu, Gwangju	1577-0001
Bảo tàng nghệ thuật Ha Jeong-woong	1165, Sangmu-daero, Seo-gu, Gwangju	062-613-5390
Sejeong Outlet	773, Sangmu-daero, Seo-gu, Gwangju	062-370-9000
Chợ Yangdong	238, Cheonbyeonjwa-ro, Seo-gu, Gwangju	062-366-0884
Con hẻm ẩm thực Sangmu	Chipyeong-dong, Seo-gu, Gwangju	
Công viên hồ Pungam	460, Pungam-dong, Seo-gu, Gwangju	
Công viên khu phố Jeonpyeongje	519-1, Maewol-dong, Seo-gu, Gwangju	

Quận Nam-gu | Địa điểm nên ghé thăm

Địa điểm	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Vườn thực vật thành phố Gwangju	142, Dodong-gil, Nam-gu, Gwangju	0507-1337-7864
Công viên Gwangju	15, Jungang-ro 107beon-gil, Nam-gu, Gwangju	062-672-0660
Thị trấn kim chi Gwangju	Trung tâm tổng hợp Kimchi 60, Kimchi-ro, Nam-gu, Gwangju	062-613-8222
Đại học Gwangju	277, Hyodeok-ro, Nam-gu, Gwangju	062-670-2114
Công viên Sajik Gwangju	49, Sajik-gil, Nam-gu, Gwangju	
Công viên chủ đề Nông thôn Bitgoeul	966-15, Pochung-ro, Nam-gu, Gwangju	
Làng văn hóa lịch sử Yangnim	Cách cửa ra số 1 ga Trung tâm Văn hóa(Yangnim-dong, Nam-gu, Gwangju) khoảng 820m	
Làng chim cánh cụt	7, Cheonbyeonjwa-ro 446beon-gil, Nam-gu, Gwangju	
Hyocheon Mulbit Park	140, Hyocheon-ro, Nam-gu, Gwangju	
Công viên Đường Xanh	434-2, Juwol-dong, Nam-gu, Gwangju	

북구 | 가볼만한곳

장 소	주 소	연락처
광주패밀리랜드	광주 북구 우치로 677 광주패밀리랜드	062-607-8000
국립광주과학관	광주 북구 첨단과기로 235	062-960-6210
광주시립미술관	광주 북구 하서로 52	062-613-7100
광주예술의전당	광주 북구 북문대로 60	062-613-8333
광주비엔날레	광주 북구 비엔날레로 111	062-608-4114
말바우시장	광주 북구 동문대로85번길 62	062-262-4082
국립광주박물관	광주 북구 하서로 110	062-570-7000
광주역사민속박물관	광주 북구 서하로 48-25	062-613-5378
중외공원	광주 북구 하서로 52	062-613-7100
우치공원 동물원	광주 북구 우치로 677 우치공원	062-613-5855
국립5·18민주묘지	광주 북구 민주로 200 국립5·18민주묘지	062-268-0518

광산구 | 가볼만한곳

장 소	주 소	연락처
쌍암공원	광주 광산구 첨단중앙로182번길 23	062-960-8705
송산목장(승마장)	광주 광산구 가삼안길 68-100	062-943-7100
월곡시장	광주 광산구 사암로 300	062-951-6114
1913송정역시장	광주 광산구 송정로8번길 13	062-942-1914
광산문화예술회관	광주 광산구 광산로68번길 13	062-960-8860
롯데아울렛 수완점	광주 광산구 장신로 98	1577-0001
소울팜	광주 광산구 빛가람장성로 3072	0507-1359-4500
송정떡갈비골목	광주 광산구 송정동 1168	
수완호수공원	광주 광산구 장신로82번길 57	
송정공원	광주 광산구 신촌동 산95-1	

※ 음식 및 숙소 등 광주정보는 광주가이드 홈페이지(gwangjuguide.or.kr) 참조 바람



Quận Buk-gu | Địa điểm nên ghé thăm

Địa điểm	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Gwangju Family Land	Gwangju Family Land 677, Uchi-ro, Buk-gu, Gwangju	062-607-8000
Khu trưng bày Khoa học Quốc gia Gwangju	235, Cheomdangwagi-ro, Buk-gu, Gwangju	062-960-6210
Bảo tàng Mỹ thuật Gwangju	52, Haseo-ro, Buk-gu, Gwangju	062-613-7100
Trung tâm nghệ thuật Gwangju	60, Bungmun-daero, Buk-gu, Gwangju	062-613-8333
Gwangju Biennale	111, Biennale-ro, Buk-gu, Gwangju	062-608-4114
Chợ Malbau	62, Dongmun-daero 85beon-gil, Buk-gu, Gwangju	062-262-4082
Bảo tàng Quốc gia Gwangju	110, Haseo-ro, Buk-gu, Gwangju	062-570-7000
Bảo tàng Dân tộc và Lịch sử Gwangju	48-25, Seoha-ro, Buk-gu, Gwangju	062-613-5378
Công viên Jungoe	52, Haseo-ro, Buk-gu, Gwangju	062-613-7100
Sở thú công viên Uchi	Công viên Uchi 677, Uchi-ro, Buk-gu, Gwangju	062-613-5855
Nghĩa trang Dân chủ Quốc gia 18.5	Nghĩa trang Dân chủ Quốc gia 18.5 200, Minju-ro, Buk-gu, Gwangju	062-268-0518

Quận Gwangsan-gu | Địa điểm nên ghé thăm

Địa điểm	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Công viên Ssangam	23, Cheomdanjungang-ro 182beon-gil, Gwangsan-gu, Gwangju	062-960-8705
Trang trại Songsan (trường cưỡi ngựa)	68-100, Gasaman-gil, Gwangsan-gu, Gwangju	062-943-7100
Chợ Wolgok	300, Saam-ro, Gwangsan-gu, Gwangju	062-951-6114
Chợ ga Songjeong 1913	13, Songjeong-ro 8beon-gil, Gwangsan-gu, Gwangju	062-942-1914
Trung tâm Văn hóa và Nghệ thuật Gwangsan	13, Gwangsan-ro 68beon-gil, Gwangsan-gu, Gwangju	062-960-8860
Lotte Outlet Chi nhánh Suwan	98, Jangsin-ro, Gwangsan-gu, Gwangju	1577-0001
Soulfam	3072, Bitgaramjangseong-ro, Gwangsan-gu, Gwangju	0507-1359-4500
Con hẻm Tteokgalbi Songjeong	1168, Songjeong-dong, Gwangsan-gu, Gwangju	
Công viên hồ Suwan	57, Jangsin-ro 82beon-gil, Gwangsan-gu, Gwangju	
Công viên Songjeong	95-1, Sinchon-dong, Gwangsan-gu, Gwangju	

※ Vui lòng tham khảo thông tin về Gwangju như đồ ăn và chỗ ở, v.v. tại trang web Gwangju guide (gwangjuguide.or.kr)



02 등록과 체류

광주출입국·외국인사무소

문 의 외국인 종합안내센터(국번없이 ☎ 1345)
민원내용 비자, 출입국 심사, 국적/귀화, 기초 법·제도 안내, 재외동포, 난민, 각종 증명발급 등
주 소 광주광역시 서구 상무대로911번길 22
오시는길 지하철 광주 1호선 운천역 4번 출구 도보 10분
버스 16, 18, 69, 72, 760번 서광주세무서 하차
웹사이트 hikorea.go.kr (비회원도 *예약 가능/PC 모바일 모두 가능)
* 방문 예약제 실시: 체류, 국적업무 방문 시 방문예정일 기준 최소 1일전 예약 필수

관할 지자체 | 외국인주민 민원서류 발급안내

구 분	대 상	신고기한	처리기관	비 고
등록외국인 체류지 변경신고	체류지를 이전한 외국인	체류지를 이전한 날로부터 15일 이내	이전한 체류지 관할 시·군·구 및 읍·면·동 또는 출입국·외국인 사무소	• 창구(전자민원 가능) • 외국인등록증 뒷면 등록사항 변경표기란에 빈칸이 없는 경우 출입국외국인사무소에서 신고
외국국적동포 국내거소이전신고				
외국인등록 사실증명서	등록외국인	수시	시·군·구 및 읍·면·동	창구 발급
국내거소신고 사실증명서				
출입국 사실증명				
외국인 인감증명서	등록외국인 중 인감신고자	수시	시·군·구 및 읍·면·동	창구 발급
가족관계증명서	가족관계 등록한 자	수시	시·군·구 및 읍·면·동	창구 발급 (귀화자 무인발급기 가능)
혼인관계증명서				
기본증명서				
주민등록등·초본				
입양관계증명서				
국세납세증명	등록외국인	수시	세무서	창구 및 홈택스 (hometax.go.kr)

주요 해외 공관 및 주한대사관 연락처

기 관	연락처	기 관	연락처
주미국한국대사관	(1-202)939-5600	주한미국대사관	02-397-4114
주러시아한국대사관	(7-495)783-2727	주한러시아대사관	02-318-2116~8
주일본한국대사관	(81-3)3452-7611	주한일본대사관	02-2170-5200
주베트남한국대사관	(84-24)3771-0424	주한베트남대사관	02-725-2487
주중국한국대사관	(86-10)8531-0700	주한중국대사관	02-738-1038
주필리핀한국대사관	(63-2)8856-9210	주한필리핀대사관	02-788-2100~1
주우즈베키스탄한국대사관	(998-71)252-3151~3	주한우즈베키스탄대사관	02-574-6554
주캄보디아한국대사관	(855-23)211-900~3	주한캄보디아대사관	02-3785-1041
주몽골한국대사관	(976)7007-1020	주한몽골대사관	02-798-3464
주네팔한국대사관	(977-1)537-0172	주한네팔대사관	02-3789-9770
주우크라이나한국대사관	(380-44)279-6424	주한우크라이나대사관	02-790-5696

ĐĂNG KÝ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI VÀ LƯU TRÚ

Văn phòng xuất nhập cảnh – người nước ngoài Gwangju

Giải đáp thắc mắc Trung tâm hướng dẫn tổng hợp dành cho người nước ngoài (☎1345 không có mã vùng)

Giải quyết các vấn đề Visa, thẩm tra xuất nhập cảnh, quốc tịch/nhập tịch, hướng dẫn thông tin về luật và chế độ cơ bản, kiều bào ở nước ngoài, người tị nạn, cấp các loại giấy chứng nhận khác nhau, v.v.

Địa chỉ 22, Sangmu-daero 911beon-gil, Seo-gu, Gwangju

Hướng dẫn cách đến Đi tàu điện ngầm Gwangju tuyến số 1 đến cửa ra số 4 ga Uncheon rồi đi bộ khoảng 10 phút. Nếu đi bằng xe buýt: bắt xe buýt số 16, 18, 69, 72, 760 và xuống tại Chi cục Thuế Seogwangju

Trang web hikorea.go.kr (Không phải là hội viên cũng có thể đặt lịch hẹn trước*/có thể đặt lịch hẹn trước bằng máy tính và điện thoại)

* Thực hiện chế độ đặt lịch hẹn trước: Khi muốn làm thủ tục lưu trú hoặc quốc tịch, cần phải đặt lịch hẹn trước ít nhất 1 ngày so với ngày dự định đến làm thủ tục.

Chính quyền địa phương có thẩm quyền

Hướng dẫn cấp giấy tờ dân sự cho người nước ngoài

Phân loại	Đối tượng	Thời hạn khai báo	Cơ quan xử lý	Ghi chú
Khai báo thay đổi nơi cư trú của người nước ngoài đã đăng ký Khai báo thay đổi nơi cư trú trong nước cho kiều bào quốc tịch nước ngoài	Người nước ngoài thay đổi nơi cư trú	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày thay đổi nơi cư trú	Văn phòng quản lý xuất nhập cảnh-người nước ngoài hoặc thành phố/quận/huyện và xã/phường/thị trấn có thẩm quyền tại nơi cư trú đã chuyển đến	• Quầy tiếp dân(có dịch vụ tiếp nhận qua ứng dụng điện tử) • Trường hợp thay đổi thông tin đăng ký mã cột ghi thay đổi tình trạng đăng ký ở mặt sau thẻ cư trú người nước ngoài không còn chỗ trống, thì phải khai báo tại văn phòng quản lý xuất nhập cảnh-người nước ngoài
Giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài Giấy chứng nhận khai báo cư trú tại Hàn Quốc Giấy chứng thực xuất nhập cảnh	Người nước ngoài đã đăng ký	Khi cần khai báo	Thành phố/quận/huyện và xã/phường/thị trấn	Cấp tại quầy tiếp dân
Giấy xác nhận dấu của người nước ngoài	Người nước ngoài đã đăng ký, đã khai báo dấu	Khi cần khai báo	Thành phố/quận/huyện và xã/phường/thị trấn	Cấp tại quầy tiếp dân
Giấy xác nhận quan hệ gia đình Giấy xác nhận quan hệ hôn nhân Giấy xác nhận cơ bản Thẻ cư trú người nước ngoài/bản sao Giấy xác nhận quan hệ con nuôi	Người đã đăng ký quan hệ gia đình	Khi cần khai báo	Thành phố/ quận/huyện và xã/phường/thị trấn	Cấp tại quầy tiếp dân (Người đã nhập quốc tịch có thể đăng ký cấp giấy qua máy tự động)
Giấy xác nhận nộp thuế	Người nước ngoài đã đăng ký	Khi cần khai báo	Sở thuế vụ	Quầy tiếp dân và trang web Hometax (hometax.go.kr)

Số điện thoại của đại sứ quán các nước tại Hàn Quốc và cơ quan ngoại giao của Hàn Quốc tại nước ngoài

Cơ quan	Số điện thoại liên hệ	Cơ quan	Số điện thoại liên hệ
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Mỹ	(1-202)939-5600	Đại sứ quán Mỹ tại Hàn Quốc	02-397-4114
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Nga	(7-495)783-2727	Đại sứ quán Nga tại Hàn Quốc	02-318-2116~8
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Nhật Bản	(81-3)3452-7611	Đại sứ quán Nhật Bản tại Hàn Quốc	02-2170-5200
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam	(84-24)3771-0424	Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc	02-725-2487
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Trung Quốc	(86-10)8531-0700	Đại sứ quán Trung Quốc tại Hàn Quốc	02-738-1038
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Philippines	(63-2)8856-9210	Đại sứ quán Philippines tại Hàn Quốc	02-788-2100~1
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Uzbekistan	(998-71)252-3151~3	Đại sứ quán Uzbekistan tại Hàn Quốc	02-574-6554
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Campuchia	(855-23)211-900~3	Đại sứ quán Campuchia tại Hàn Quốc	02-3785-1041
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Mông Cổ	(976)7007-1020	Đại sứ quán Mông Cổ tại Hàn Quốc	02-798-3464
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Nepal	(977-1)537-0172	Đại sứ quán Nepal tại Hàn Quốc	02-3789-9770
Đại sứ quán Hàn Quốc tại Ukraine	(380-44)279-6424	Đại sứ quán Ukraine tại Hàn Quốc	02-790-5696

03 근로와 노무

재고용 허가

외국인근로자는 3년간 취업활동 가능, 사업주의 재고용허가 요청이 있는 경우 2년 미만의 범위(1년 10개월)에서 취업활동기간 연장 가능

신청기간 취업활동기간 만료일 90일 전부터 7일 전까지

신청대상 취업활동기간 만료일까지 해당 외국인근로자와의 근로계약이 1개월 이상 유지되는 경우

문 의 광주지방고용노동청(☎062-609-8818)

재입국 취업 특례

고용허가제로 입국하여 취업활동기간(4년 10개월)이 만료된 외국인근로자(E-9)는 적용조건 충족 시 출국 후 1개월 후에 종전 사업장으로 재입국 가능

신청기간 취업활동기간 만료일 90일 전부터 7일 전까지

신청대상 취업활동기간 만료일까지 해당 외국인근로자와의 근로계약이 1개월 이상 유지되는 경우

문 의 한국산업인력공단 광주지역본부(☎062-970-1753)

사업장 변경

외국인근로자(E-9)는 원칙적으로 사업장변경 허용 불가, 휴업·폐업·임금체불 등 부득이한 경우 3회 이내 범위에서 가능

신청기간 근로계약이 종료된 날부터 1개월 이내
3개월 이내에 변경허가를 받지 못한 경우 출국조치

문 의 광주지방고용노동청(☎062-609-8818)

숙련기능인력(K-point E74장기체류비자) 전환

기간/대상 '24. 12. 20.까지/E-9, H-2 비자 소지자

신청요건 K-point 전환요건 점수제 200점 이상
※ 점수제 170~200점 구간 대상자는 광주광역시 추천 가점(30점) 획득 후 신청 가능

신청방법 법무부 하이코리아 온라인 신청(hikorea.go.kr)

문 의 외국인종합 안내센터(☎1345)

산업재해보험

근로자가 일을 하던 중 사고를 당하거나 질병에 걸린 경우, 치료비용과 최소한의 생계보장을 위한 각종 보험급여 지원

신청방법 회사의 확인 없이 산재보험 의료기관을 통한 대행신청, 주한 외국공관의 신청 대리 가능

문 의 근로복지공단(☎1588-0075)

LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM

Giấy phép tái tuyển dụng

Người lao động nước ngoài có thể làm việc trong 3 năm và nếu người sử dụng lao động xin phép tái tuyển dụng, thời gian làm việc có thể được gia hạn thêm dưới 2 năm (1 năm 10 tháng).

Thời gian đăng ký Từ 90 ngày đến 7 ngày trước ngày hết hạn thời gian hoạt động việc làm

Đối tượng đăng ký Trường hợp hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài vẫn còn hiệu lực hơn 1 tháng trước ngày hết hạn thời gian hoạt động việc làm.

Liên hệ Sở Lao động và Việc làm khu vực Gwangju (☎062-609-8818)

Các điều khoản đặc biệt về việc tái nhập cảnh để làm việc

Người lao động nước ngoài (E-9) đã nhập cảnh vào Hàn Quốc theo chương trình cấp phép việc làm và đã hết thời gian làm việc (4 năm 10 tháng) thì 1 tháng sau khi xuất cảnh có thể tái nhập cảnh và làm việc tiếp tại nơi làm việc trước đó nếu họ đáp ứng các điều kiện áp dụng.

Thời gian đăng ký Từ 90 ngày đến 7 ngày trước ngày hết hạn thời gian hoạt động việc làm

Đối tượng đăng ký Trường hợp hợp đồng lao động với người lao động nước ngoài vẫn còn hiệu lực hơn 1 tháng cho đến ngày hết hạn thời gian hoạt động việc làm.

Liên hệ Cơ quan phát triển nguồn nhân lực Hàn Quốc Trụ sở khu vực Gwangju (☎062-970-1753)

Thay đổi nơi làm việc

Về nguyên tắc, người lao động nước ngoài (E-9) không được phép thay đổi nơi làm việc, nhưng có thể làm như vậy tối đa 3 lần trong những trường hợp không thể tránh khỏi như nơi làm việc tạm ngừng kinh doanh, đóng cửa hoặc không trả lương, v.v.

Thời gian đăng ký Trong vòng 1 tháng kể từ ngày kết thúc hợp đồng lao động
Nếu trong vòng 3 tháng mà không nhận được sự cho phép thay đổi nơi làm việc thì sẽ phải xuất cảnh.

Liên hệ Sở Lao động và Việc làm khu vực Gwangju (☎062-609-8818)

Chuyển đổi sang lao động có tay nghề (visa lưu trú dài hạn K-point E74)

Thời hạn/Đối tượng Đến ngày 20/12/2024 /Người có visa E-9, H-2

Điều kiện đăng ký Trên 200 điểm theo chế độ quy đổi K-point

※ Những ứng viên có số điểm từ 170 đến 200 có thể đăng ký sau khi nhận được thêm điểm đề cử của Thành phố Gwangju (30 điểm)

Cách đăng ký Đăng ký trực tuyến tại trang web của Bộ Tư pháp Hi Korea (www.hikorea.go.kr)

Liên hệ Trung tâm thông tin tổng hợp dành cho người nước ngoài (☎1345)

Bảo hiểm tai nạn lao động

Nếu người lao động gặp tai nạn hoặc bị bệnh trong khi làm việc, nhiều phúc lợi bảo hiểm khác nhau sẽ được cung cấp để hỗ trợ trang trải chi phí điều trị và đảm bảo mức sinh kế tối thiểu.

Cách đăng ký Ủy thác cho tổ chức y tế bảo hiểm tai nạn lao động hoặc ủy thác cho đại sứ quán nước ngoài tại Hàn Quốc mà không cần xác nhận của công ty.

Liên hệ Công đoàn phúc lợi lao động (☎1588-0075)

04 건강과 의료

외국인 국민건강보험 당연가입

가입대상 한국에 6개월 이상 체류한 외국인
※ 6개월 동안 출국기간 합이 30일 이하인 경우 계속 국내에 체류한 것으로 간주
※ 1회 30일을 초과하여 출국하는 경우는 재입국일로부터 6개월 이상 체류해야 가능
※ (예외) 유학 또는 결혼이민(F-6)의 체류자격으로 입국한 외국인이 외국인 등록 이후 즉시 가입 가능

가입절차
- 6개월 이상 국내 체류한 경우 공단에서 자동 가입처리
- 국내 체류지(거소지)로 건강보험증과 보험료 납부 고지서 발송

※ 단, 아래의 경우 반드시 가까운 지사에 방문하여 신고
- 자동가입이 되지 않은 경우(건강보험증 등 미수령 시)
- 가족(배우자 및 미성년 자녀)동반입국으로 보험료를 세대단위로 납부하고자 하는 경우
- 국내에서 유학중인 재외국민 또는 재외동포(F-4)로서, 보험료를 경감받고자 하는 경우

보험료 부과
- 소득과 재산에 따라 개인(가족) 단위로 산정
- 산정된 보험료가 전년도 11월 전체가입자 평균보험료 미만인 경우는 *평균 보험료 적용

* 2023년도 평균보험료(장기요양보험료 포함) : 143,840원

납부기한 다음달 보험료를 매월 25일까지 납부

가입혜택 국민건강보험에 가입하여 입원, 외래진료, 중증질환, 건강검진 등 대한민국 국민과 동일한 혜택을 받을 수 있음

가입문의
1. 국민건강보험공단(☎1577-1000) → 외국어 서비스 단축번호 6번
2. 영어, 중국어, 베트남어, 우즈베키스탄어 상담(☎033-811-2000)

의료통역 서비스

지원대상 한국어에 서투른 외국인 환자

지원내용 의료통역사 진료동행 서비스(무료)

지원언어 영어, 러시아어, 몽골어, 미얀마어, 베트남어, 우즈베크어, 인니어, 일본어, 중국어, 태국어, 타갈로그어, 대만어

문 의 광주이주민건강센터(☎062-956-3353)



Người nước ngoài bắt buộc phải tham gia Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân.

Đối tượng tham gia Người nước ngoài đã lưu trú tại Hàn Quốc từ 6 tháng trở lên.

※ Trong 6 tháng, nếu tổng thời gian xuất cảnh là 30 ngày hoặc ít hơn thì được coi là đã lưu trú liên tục tại Hàn Quốc.

※ Trường hợp xuất cảnh 1 lần quá 30 ngày thì phải lưu trú tiếp 6 tháng kể từ ngày tái nhập cảnh.

※ (Ngoại lệ) Người nước ngoài nhập cảnh với tư cách du học hoặc nhập cư kết hôn (F-6) có thể tham gia bảo hiểm ngay sau khi đăng ký người nước ngoài.

Quy trình tham gia bảo hiểm

- Trường hợp lưu trú trong nước từ 6 tháng trở lên, công ty bảo hiểm sẽ tự động xử lý việc đăng ký tham gia.
- Công ty bảo hiểm sẽ gửi thẻ bảo hiểm sức khỏe và giấy thông báo đóng phí bảo hiểm về nơi lưu trú(nơi cư trú) tại Hàn Quốc.

※ Tuy nhiên, bạn phải đến chi nhánh gần nhất và khai báo trong những trường hợp sau.

- Trường hợp đăng ký hội viên tự động chưa được hoàn thành(khi chưa nhận được thẻ bảo hiểm sức khỏe, v.v.)
- Trường hợp nhập cảnh cùng gia đình(vợ/chồng và con chưa thành niên) và muốn đóng phí bảo hiểm theo hộ gia đình
- Trường hợp là kiều bào sống ở nước ngoài(F-4) hoặc người Hàn Quốc định cư ở nước ngoài mà đang du học tại Hàn Quốc và mong muốn được giảm phí bảo hiểm

Tính phí bảo hiểm

- Tính theo đơn vị cá nhân(gia đình) dựa trên thu nhập và tài sản
- Trường hợp phí bảo hiểm được tính lại thấp hơn mức phí bảo hiểm bình quân của tất cả những người tham gia bảo hiểm tháng 11 năm trước thì *mức phí bảo hiểm bình quân sẽ được áp dụng.

* Mức phí bảo hiểm bình quân năm 2023(bao gồm phí bảo hiểm chăm sóc dài hạn): 143.840 won

Hạn nộp Phí bảo hiểm tháng tiếp theo phải được đóng trước ngày 25 hàng tháng.

Lợi ích khi tham gia Khi đăng ký Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân, bạn có thể nhận được các quyền lợi giống như công dân Hàn Quốc, bao gồm nhập viện, điều trị ngoại trú, bệnh hiểm nghèo và kiểm tra sức khỏe, v.v.

Giải đáp thắc mắc về việc đăng ký

1. Tổng công ty Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân (☎1577-1000) → Dịch vụ ngoại ngữ bấm phím 6
2. Tư vấn bằng tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt và tiếng Uzbekistan (☎033-811-2000)

Dịch vụ thông dịch y tế

Đối tượng hỗ trợ Bệnh nhân người nước ngoài không thông thạo tiếng Hàn

Nội dung hỗ trợ Dịch vụ có thông dịch viên y tế đồng hành trong quá trình điều trị (miễn phí)

Ngôn ngữ được hỗ trợ Tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Mông Cổ, tiếng Miến Điện, tiếng Việt, tiếng Uzbek, tiếng Indonesia, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Thái, tiếng Tagalog, tiếng Đài Loan

Liên hệ Trung tâm Y tế Người di trú Gwangju(☎062-956-3353)

외국인근로자(미등록외국인 포함) 등 의료지원사업

지원대상 건강보험 등 각종 의료보험제도의 의료혜택을 받을 수 없는 외국인근로자 및 배우자와 자녀(만 18세 미만), 국적취득 이전의 결혼이민자와 그 자녀 (만 18세 미만)

지원내용 입원부터 퇴원까지 발생한 입원 및 수술 등 진료비

신청방법 시행 의료기관 방문 및 전화 문의

시행의료기관

의료기관명	소 재 지	전화번호
전남대학교병원	광주광역시 동구 제봉로 42	062-220-5459
조선대학교병원	광주광역시 동구 필문대로 365	062-220-3677
보라안과병원	광주광역시 서구 상무자유로 170	062-380-5826
광주기독병원	광주광역시 남구 양림로 37	062-650-5597
첨단종합병원	광주광역시 광산구 첨단중앙로 170번길 59	062-601-8140
빛고을 전남대학교 병원	광주광역시 남구 덕남길 80	062-670-9445

이주민 무료진료 사업

지원대상 이주노동자, 중도입국자녀, 고려인동포 등

기 관 명	진료시간	소 재 지	전화번호
광주이주민건강센터	매주 일요일 13:00 ~ 17:00	광산구 사암로 167(우산동) 3층	062-956-3353
고려인광주진료소	매주 화요일 18:30 ~ 21:30	광산구 산정공원로 50번길 31	062-961-1925

다문화 정신건강 무료상담

지원대상 문화적 차이로 인한 우울 및 스트레스 무료상담 제공 및 치료연계 등
(※ 방문시 전화예약 권장)

문 의 동구정신건강복지센터(062-233-0468)
서구정신건강복지센터(062-350-4195)
남구정신건강복지센터(062-676-8236)
북구정신건강복지센터(062-267-5510)
광산구정신건강복지센터(062-941-8567)

마약 금지



- 대한민국은 마약금지국가로, 마약은 소지만 하고 있어도 형사처벌(신고 112)
- 주요 마약류: 필로폰, 아편, 코카인, 헤로인, 대마초, 대마수지, 엑스터시, 케타민 등
- 상담(24시): 한국마약퇴치운동본부(1342)

Dự án hỗ trợ y tế cho người lao động nước ngoài (bao gồm cả người nước ngoài chưa đăng ký)

Đối tượng hỗ trợ

Người lao động nước ngoài cùng vợ/chồng và con cái (dưới 18 tuổi) của họ, người nhập cư kết hôn trước khi nhập quốc tịch và con cái (dưới 18 tuổi) của họ mà không thể nhận trợ cấp y tế từ các hệ thống bảo hiểm y tế khác nhau như bảo hiểm sức khỏe, v.v.

Nội dung hỗ trợ Hỗ trợ chi phí điều trị phát sinh từ khi nhập viện đến khi xuất viện như nằm viện, phẫu thuật, v.v.

Cách đăng ký Liên hệ qua điện thoại hoặc đến cơ sở y tế hỗ trợ.

Cơ sở y tế hỗ trợ

Tên cơ sở y tế	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Bệnh viện Đại học Quốc gia Chonnam	42 Jebong-ro, Dong-gu, Gwangju	062-220-5459
Bệnh viện Đại học Chosun	365 Pilmun-daero, Dong-gu, Gwangju	062-220-3677
Bệnh viện Mắt Bora	170 Sangmu Jayu-ro, Seo-gu, Gwangju	062-380-5826
Bệnh viện Cơ đốc Gwangju	37 Yangnim-ro, Nam-gu, Gwangju	062-650-5597
Bệnh viện đa khoa Cheomdan	59 Cheomdanjungang-ro 170beon-gil, Gwangsan-gu, Gwangju	062-601-8140
Bệnh viện Bitgoeul trường Đại học Quốc gia Chonnam	80 Deoknam-gil, Nam-gu, Gwangju	062-670-9445

Dự án chữa bệnh miễn phí cho người nhập cư

Đối tượng hỗ trợ Người lao động nhập cư, trẻ em nhập cảnh giữa chừng, kiều bào người Koryoin, v.v.

Tên tổ chức	Giờ khám bệnh	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Trung tâm sức khỏe người nhập cư Gwangju	Chủ Nhật hàng tuần 13:00 ~ 17:00	Tầng 3, 167 Saam-ro, Gwangsan-gu (Usan-dong)	062-956-3353
Phòng khám Koryoin Gwangju	Thứ Ba hàng tuần 18:30 ~ 21:30	31, Sanjeonggongwon-ro 50beon-gil, Gwangsan-gu	062-961-1925

Tư vấn miễn phí về sức khỏe tinh thần đa văn hóa

Nội dung hỗ trợ

Tư vấn miễn phí về bệnh trầm cảm, căng thẳng do khác biệt văn hóa, liên kết điều trị, v.v.
(※ Nên đặt lịch hẹn trước qua điện thoại trước khi đến.)

Giải đáp thắc mắc

Trung tâm phúc lợi sức khỏe tinh thần Dong-gu (062-233-0468)
Trung tâm phúc lợi sức khỏe tinh thần Seo-gu (062-350-4195)
Trung tâm phúc lợi sức khỏe tinh thần Nam-gu (062-676-8236)
Trung tâm phúc lợi sức khỏe tinh thần Buk-gu (062-267-5510)
Trung tâm phúc lợi sức khỏe tinh thần Gwangsan-gu (062-941-8567)

Nghiêm cấm ma túy

- Hàn Quốc là quốc gia không có ma túy, thậm chí chỉ tàng trữ ma túy cũng bị xử lý hình sự (Khai báo 112)
- Các loại ma túy chính: Philopon, thuốc phiện, cocaine, heroin, cần sa, nhựa cần sa, thuốc lắc, ketamine, v.v.
- Tư vấn (24 giờ): Trụ sở Phong trào Chống Ma túy Hàn Quốc (1342)

외국인주민 친화병원

이용시 좋은점 통역서비스 제공 , 의료비 보험수가 준용

지정병원(20개소)

병 원	전화번호	병 원	전화번호
밸런스의원	062-572-0120	아이안과의원	062-681-7112
첨단우리병원	062-970-6000	광주센트럴병원	062-950-9700
사랑샘병원	062-651-9119	밝은안과21병원	0507-1406-9006
신가병원	062-610-8000	더블유여성병원	062-616-9000
파랑새안과의원	062-236-5400	서광병원	062-600-8000
참조은한방병원	062-943-1111	진요양병원	062-520-3800
광산수완미래아동병원	062-605-2500	명인치과병원	062-682-2875
광주탑정형외과의원	062-250-6000	슬기로운재활의학과병원	0507-1320-1191
한사랑병원	062-960-9190	신세계안과의원	1566-9988
행복을주는가정의학과의원	062-261-0075	동명병원	062-670-3333

05 임신과 출산

임신, 출산 진료비 지원(국민행복카드)

지원대상 임신·출산(유산·사산 포함)이 확인된 외국인 건강보험 가입자 또는 피부양자

지원금액 임신 1회 일태아 100만원(다태아는 태아당 100만원)

지원기간 이용권 발급일 ~ 출산일(유산·사산일)부터 2년

신청방법 건강보험공단지사, 국민행복카드 발급가능 카드사, 은행

발급카드 BC카드(☎1588-4000), 롯데카드(☎1588-8100), 삼성카드(☎1588-8700), KB국민카드(☎1588-1688), 신한카드(☎1544-7000)

문 의 국민건강보험공단(☎1577-1000, nhis.or.kr)

결혼이주여성 산모도우미 서비스

지원대상 광주광역시에 거주 및 등록 다문화가정 결혼이주여성

신청기간 임신 9개월부터 출산 후 60일 이내

이 용 료 무료

지원내용 이주여성 출신국 산모도우미 방문 서비스(70시간 이내)

문 의 북구가족센터(☎062-363-2963)

Bệnh viện thân thiện với cư dân nước ngoài

Lợi ích Cung cấp dịch vụ phiên dịch, áp dụng chi phí y tế theo mức bảo hiểm y tế quốc gia

Cơ sở được chỉ định (20 địa điểm)

Bệnh viện	Số điện thoại liên hệ	Bệnh viện	Số điện thoại liên hệ
Phòng khám Balance	062-572-0120	Phòng khám mắt Ai	062-681-7112
Bệnh viện Cheomdan Woori	062-970-6000	Bệnh viện Gwangju Central	062-950-9700
Bệnh viện Sarangsaem	062-651-9119	Bệnh viện mắt Bright Eye 21	0507-1406-9006
Bệnh viện Singa	062-610-8000	Bệnh viện phụ nữ W	062-616-9000
Phòng khám mắt Parangsae	062-236-5400	Bệnh viện Seogwang	062-600-8000
Bệnh viện Y học cổ truyền Chamjoeun	062-943-1111	Bệnh viện phục hồi chức năng Jin	062-520-3800
Bệnh viện nhi Gwangsan Suwan Mirae	062-605-2500	Bệnh viện nha khoa Myeongin	062-682-2875
Phòng khám chỉnh hình Gwangju Top	062-250-6000	Bệnh viện y học phục hồi Seulgiroun	0507-1320-1191
Bệnh viện Hansarang	062-960-9190	Phòng khám mắt Shinsegae	1566-9988
Phòng khám Gia đình Hạnh phúc	062-261-0075	Bệnh viện Dongmyeong	062-670-3333

MANG THAI VÀ SINH CON

Hỗ trợ chi phí điều trị khi mang thai và sinh con (Thẻ Hạnh Phúc quốc dân).

Đối tượng hỗ trợ Người được bảo hộ hoặc người đã đăng ký bảo hiểm sức khỏe người nước ngoài được xác nhận đã mang thai hoặc sinh con(bao gồm sảy thai hoặc thai chết lưu)

Số tiền hỗ trợ 1 lần mang thai được hỗ trợ 1.000.000 won cho một thai nhi(Hỗ trợ 1.000.000 won cho mỗi thai nhi trong trường hợp nhiều thai nhi)

Thời gian hỗ trợ Từ ngày cấp thẻ đến 2 năm sau khi sinh con(sảy thai hoặc thai chết lưu)

Cách đăng ký Đăng ký tại chi nhánh Tổng công ty Bảo hiểm sức khỏe, ngân hàng, công ty thẻ có thể phát hành Thẻ Hạnh phúc quốc dân

Thẻ cấp phát
Thẻ BC(☎1588-4000), Thẻ Lotte(☎1588-8100), Thẻ Samsung(☎1588-8700),
Thẻ KB Kookmin(☎1588-1688), Thẻ Shinhan(1544-7000)

Giải đáp thắc mắc Tổng công ty Bảo hiểm sức khỏe quốc dân(☎1577-1000, nhis.or.kr)

Dịch vụ hỗ trợ bà mẹ cho phụ nữ di cư kết hôn

Đối tượng hỗ trợ Phụ nữ nhập cư kết hôn của các gia đình đa văn hóa đã đăng ký và cư trú tại thành phố Gwangju

Thời gian đăng ký Từ khi mang thai tháng thứ 9 đến 60 ngày sau khi sinh con

Phí sử dụng dịch vụ Miễn phí

Nội dung hỗ trợ Dịch vụ hỗ trợ sản phụ tại nhà bởi phụ nữ đồng hương (trong vòng 70 giờ)

Giải đáp thắc mắc Trung tâm Gia đình Buk-gu(☎062-363-2963)

06 육아와 보육



외국인아동 보육료 지원

지원대상 대한민국 국적을 가지지 않은 영유아(외국국적 만3세 ~ 만5세 유아)

지원요건 보호자(부모1)와 유아 모두 광주광역시 거주 3개월 이상

제출서류 보육아동 등록신청서 1부, 출생증빙서류(외국인등록증, 여권, 출생증명서 등), 외국인등록사실증명서

지원방법 재원 어린이집에서 보조금 신청 후 시·군·구에서 직접 외국인 아동 등록 후 어린이집에 지급

지원내용 누리보육료 지원 / 아동 출석일수에 따라 차등 지원 (최고 월 28만원 지원)

문 의 동구청 여성아동과(062-608-2664), 서구청 양성평등과(062-360-7648), 남구청 여성가족과(062-607-3525), 북구청 여성보육과(062-410-6416), 광산구청 여성아동과(062-960-8367)

외국국적 아동 초등학교 입학

취학연령 당해연도 12월 31일까지 만 6세에 해당하는 아동이 취학의무 대상자가 되며, 다음 해 3월에 초등학교에 입학

입학절차 외국인가정 자녀의 경우 한국에서 태어났더라도 취학통지서가 따로 발급되지 않으므로 국내 거주 사실을 증명할 수 있는 서류를 가지고 가까운 초등학교에 방문하여 입학 상담 필요

※ 미등록외국인일 경우에도 입학할 수 있으며, 주택임대차계약서, 신원보증서 등 거주사실 및 자녀의 출생연도를 확인할 수 있는 서류를 준비

문 의 해당 거주지 학교, 광주광역시교육청 국제교육팀(062-380-4368)

중도입국청소년 입학

필요서류 취학 또는 편입학 원서, 본국 재학(졸업)증명서, 성적증명서, 출입국 사실증명서, 국내거주사실확인서류, 외국인등록증(가족관계증명서, 주민등록등본), 예방접종증명서 등

문 의 해당 거주지 학교, 광주광역시교육청 국제교육팀(062-380-4368)

중도입국·외국인학생 위탁교육기관

학 교 명 새날학교

운영학급 중등(3학급), 고등(3학급) 학년별 운영/ 한국어 수준별 통합 운영

주 소 광주 광산구 평동로 29

전화번호 062-943-8935

CHĂM SÓC VÀ NUÔI DẠY TRẺ

Hỗ trợ phí nuôi dạy trẻ em nước ngoài

Đối tượng hỗ trợ Trẻ em không có quốc tịch Hàn Quốc (trẻ em từ 3 đến 5 tuổi có quốc tịch nước ngoài)

Điều kiện hỗ trợ Người giám hộ(cha hoặc mẹ) và trẻ phải cư trú tại thành phố Gwangju từ 3 tháng trở lên

Hồ sơ cần nộp Đơn đăng ký phí hỗ trợ nuôi dạy trẻ 1 bản, giấy chứng sinh(thẻ cư trú người nước ngoài, hộ chiếu, giấy khai sinh, v.v.), giấy chứng nhận đăng ký người nước ngoài

Cách đăng ký Đăng ký xin phí hỗ trợ tại trung tâm giữ trẻ, sau đó thành phố, quận, huyện sẽ trực tiếp đăng ký cho trẻ em nước ngoài và gửi phí hỗ trợ cho trung tâm giữ trẻ.

Nội dung hỗ trợ Hỗ trợ phí nuôi dạy trẻ Nuri / Phí hỗ trợ khác nhau tùy theo số ngày trẻ theo học (hỗ trợ tối đa 280.000 won/tháng)

Giải đáp thắc mắc Phòng phụ nữ và trẻ em quận Dong-gu (062-608-2664), Phòng Bình đẳng giới quận Seo-gu (062-360-7648), Phòng Phụ nữ và Gia đình quận Nam-gu (062-607-3525), Phòng hỗ trợ chăm sóc Trẻ em và Phụ nữ quận Buk-gu(062-410-6416), Phòng Phụ nữ và Trẻ em quận Gwangsan-gu(062-960-8367)

Nhập học tiểu học cho trẻ em có quốc tịch nước ngoài

Tuổi nhập học Trẻ em đủ 6 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12 của năm đó bắt buộc phải đi học và nhập học tiểu học vào tháng 3 năm sau.

Thủ tục nhập học Trường hợp là trẻ em của gia đình nước ngoài, ngay cả khi được sinh ra ở Hàn Quốc cũng không được cấp thông báo đi học riêng mà phải đến một trường tiểu học gần nơi cư trú kèm theo giấy tờ xác nhận nơi cư trú tại Hàn Quốc để được tư vấn nhập học.

* Trẻ là người nước ngoài chưa đăng ký vẫn có thể nhập học, và khi nhập học cần chuẩn bị giấy tờ có thể xác nhận năm sinh của trẻ, giấy tờ xác nhận nơi cư trú như hợp đồng thuê nhà, giấy bảo lãnh, v.v..

Giải đáp hắc mắc Trường học tại nơi cư trú, Phòng Giáo dục Quốc tế Sở Giáo dục Thành phố Gwangju(062-380-4368)

Hướng dẫn nhập học cho thanh thiếu niên nhập cư

Hồ sơ cần nộp Đơn đăng ký nhập học hoặc học chuyển tiếp, giấy chứng nhận đang theo học(tốt nghiệp) ở nước sở tại, bảng điểm, giấy chứng nhận xuất nhập cảnh, giấy tờ xác nhận cư trú tại Hàn Quốc, thẻ đăng ký người nước ngoài (giấy chứng nhận quan hệ gia đình, bản sao đăng ký cư trú), giấy chứng nhận tiêm chủng, v.v..

Giải đáp hắc mắc Trường học tại nơi cư trú, Phòng Giáo dục Quốc tế Sở Giáo dục Thành phố Gwangju(062-380-4368)

Cơ sở ủy thác giáo dục dành cho học sinh người nước ngoài và học sinh nhập cảnh giữa chừng

Tên trường Trường Saenal

Lớp điều hành Điều hành theo cấp lớp Trung học cơ sở (3 lớp), Trung học phổ thông (3 lớp)/Hoạt động tích hợp theo trình độ tiếng Hàn

Địa chỉ 29 Pyeongdong-ro, Gwangsan-gu, Gwangju

Số điện thoại liên hệ 062-943-8935

07 생활법률

무료 법률상담

대 상 국내 거주 외국인, 대한민국 국민
지원내용 주택임대차 분쟁상담, 손해배상, 계약 등 민사소송, 개인회생 파산신청 등
주 소 광주 동구 준법로 3
문 의 대한법률구조공단 (☎132)

주택 계약시 주의해야 할 점

계약상대 확인 계약서는 집주인과 작성
계약내용 확인 거주기간, 보증금 액수, 월세 액수, 주택소유자(등기부등본 확인)
집 구하는 방법 부동산 중개업소 이용 권장(확인사항, 계약시 필요서류, 법적인 문제 등)

외국인 부동산 취득신고



부동산거래계약에 의한 부동산을 취득한 경우
계약일로부터 60일 이내 취득신고
※ 지연시 최고 300만 원 과태료 부과

상속, 경매 등 계약 외 원인에 의한 부동산을 취득하는 경우
원인발생일로 6개월 이내 취득신고

문 의 동구청 건축과(062-608-2785), 서구청 토지정보과(062-360-7479), 남구청 토지정보과(062-607-3234), 북구청 토지정보과(062-410-6254), 광산구청 부동산지적과(062-960-8243)

주택 전·월세 임대차 신고제

신고의무 임대인+임차인 계약체결일로부터 30일 이내에 공동신고
신고주택 아파트, 단독·다가구, 연립·다세대, 주거용 오피스텔, 기숙사·고시원 그 외 주거 목적 건물로 공장, 근린생활시설도 가능
신고대상 보증금 6천만원 또는 월세 30만원을 초과하는 주택임대차 계약
신고내용 임대인, 임차인 인적사항, 임대목적물 정보, 계약내용 등
구비서류 신분증, 주택임대차계약서
신고방법 관할 동 행정복지센터
문 의 부동산관리시스템 관리 콜센터(1588-0149)

PHÁP LUẬT ĐỜI SỐNG

Tư vấn pháp luật miễn phí

Đối tượng hỗ trợ Người nước ngoài cư trú tại Hàn Quốc, công dân Hàn Quốc

Nội dung hỗ trợ Tư vấn tranh chấp thuê nhà, kiện tụng dân sự như bồi thường thiệt hại, hợp đồng, v.v., nộp đơn xin phá sản, phục hồi cá nhân, v.v..

Địa chỉ 3, Junbeop-ro, Dong-gu, Gwangju

Giải đáp thắc mắc Tổng công ty Trợ giúp Pháp lý Hàn Quốc (☎132)



Những điều cần lưu ý khi ký hợp đồng nhà ở

Kiểm tra đối tác hợp đồng Viết hợp đồng với chủ nhà.

Xác nhận nội dung hợp đồng Thời gian cư trú, số tiền đặt cọc, số tiền thuê hàng tháng, chủ nhà(Bản sao sổ đăng ký)

Cách tìm nhà Nên nhờ môi giới bất động sản(thông tin xác nhận, giấy tờ cần thiết khi ký hợp đồng, các vấn đề pháp lý, v.v.)

Khai báo mua bất động sản dành cho người nước ngoài

Trường hợp mua bất động sản thông qua hợp đồng giao dịch bất động sản

- Khai báo trong vòng 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

※ Nếu khai báo muộn sẽ bị phạt tiền tới 3.000.000 won.

Trường hợp mua bất động sản vì những lý do khác ngoài hợp đồng, chẳng hạn như thừa kế hoặc đấu giá,v.v.

- Khai báo trong vòng 6 tháng kể từ ngày phát sinh lý do.

Giải đáp thắc mắc Phòng Kiến trúc quận Dong-gu(062-608-2785), Phòng thông tin đất đai quận Seo-gu (062-360-7479), Phòng thông tin đất đai quận Nam-gu (062-607-3234), Phòng thông tin đất đai quận Buk-gu (062-410-6254), Phòng địa chính bất động sản quận Gwangsan-gu (062-960-8243)

Hệ thống khai báo thuê nhà trả trước(Jeonse)/thuê theo tháng(Wolse)

Nghĩa vụ khai báo Chủ nhà và người thuê nhà cùng khai báo trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Loại nhà khai báo Căn hộ, nhà độc lập/nhà nhiều hộ gia đình(nhà của 1 chủ nhà), nhà liền kề/nhà có nhiều hộ ở chung(nhà của nhiều chủ nhà), căn hộ văn phòng, ký túc xá/gosiwon và các tòa nhà với mục đích khác, bao gồm các nhà máy và cơ sở sinh hoạt lân cận.

Đối tượng khai báo Hợp đồng thuê nhà với số tiền đặt cọc vượt quá 60.000.000 won hoặc tiền thuê nhà hàng tháng vượt quá 300.000 won

Nội dung khai báo Thông tin cá nhân của chủ nhà và người thuê nhà, thông tin bất động sản cho thuê, nội dung hợp đồng, v.v.

Hồ sơ cần thiết Chứng minh nhân dân, hợp đồng thuê nhà

Phương thức khai báo Khai báo với trung tâm Phúc lợi hành chính của phường có thẩm quyền

Giải đáp thắc mắc Tổng đài quản lý hệ thống bất động sản (1588-0149)

종합소득세 신고

과세대상 이자소득, 배당소득, 사업소득, 근로소득(근로소득만 있는 자로서 연말정산한 경우 제외), 연금소득, 기타소득

신고기간 5월 1일 ~ 31일

신고방법 홈텍스(hometax.go.kr) 온라인신고 또는 관할세무서 방문

문 의 처

구 분	문 의
광 주 세 무 서	062-605-0200
북광주세무서	062-520-9200
광 산 세 무 서	062-970-2200
서광주세무서	062-380-5200

지방세 납부

종 류	주민세(개인분)	자동차세	재산세
납세의무자	1년이상 체류중인 외국인	차량소유자	부동산 소유자
납 부 시 기	매년 8월	매년 6,12월	매년 7월, 9월
납 부 방 법	고지서 은행납부, 신용카드 조회 납부, 인터넷 납부(wetax.go.kr)		

문 의 처

구 분	문 의
동구청 세무과	062-608-3102/3116
서구청 세무과	062-360-7926/7389
남구청 세무과	062-607-3111/3124
북구청 세무과	062-410-8141/8180
광산구청 세무과	062-960-8122/8159



Khai báo thuế thu nhập toàn diện

Đối tượng nộp thuế
thu nhập từ tiền lãi, thu nhập lợi tức, thu nhập từ hoạt động kinh doanh, thu nhập từ lao động (người chỉ có thu nhập từ lao động đã quyết toán thuế cuối năm thì sẽ không cần khai báo thuế thu nhập toàn diện), thu nhập lương hưu, thu nhập khác

Kỳ hạn khai báo Từ ngày 1/5 đến 31/5

Cách khai báo Khai báo trực tuyến tại Hometax (www.hometax.go.kr) hoặc đến cơ quan thuế có thẩm quyền

Số điện thoại liên hệ

Phân loại	Số điện thoại liên hệ
Sở thuế vụ Gwangju	062-605-0200
Sở thuế vụ Buk Gwangju	062-520-9200
Sở thuế vụ Gwangsan	062-970-2200
Sở thuế vụ Seo Gwangju	062-380-5200

Nộp thuế địa phương

Phân loại	Thuế cư trú (cá nhân)	Thuế ô tô	Thuế tài sản
Người nộp thuế	Người nước ngoài lưu trú trên 1 năm	Thuế ô tô	Chủ sở hữu tài sản
Thời điểm nộp thuế	Tháng 8 hàng năm	Chủ sở hữu xe	Tháng 7, 9 hàng năm
Cách nộp thuế	Thanh toán thông qua ngân hàng có ghi trên giấy thông báo nộp thuế, thanh toán qua tra cứu thẻ tín dụng, thanh toán qua internet (wetax.go.kr)		

Số điện thoại liên hệ

Phân loại	Số điện thoại liên hệ
Phòng thuế quận Dong-gu	062-608-3102/3116
Phòng thuế quận Seo-gu	062-360-7926/7389
Phòng thuế quận Nam-gu	062-607-3111/3124
Phòng thuế quận Buk-gu	062-410-8141/8180
Phòng thuế quận Gwangsan-gu	062-960-8122/8159



08 기타 정보

광주광역시 경찰서(범죄 신고 · 수사)

구 분	주 소	전화번호
광주경찰청	광주 광산구 용아로 112	☎ 182
광주 동부 경찰서	광주 동구 예술길 33	
광주 서부 경찰서	광주 서구 상무공원로 71	
광주 남부 경찰서	광주 남구 용대로74번안길 9-5	
광주 북부 경찰서	광주 북구 서하로 172	
광주 광산 경찰서	광주 광산구 어등대로 551	

운전면허취득방법

자국의 운전면허를 한국의 운전면허로 교환

한국 면허로 교환 인정 국가의 면허증 교환 시(서류심사 → 신체검사 → 면허발급)

국제운전면허로 한국에서 운전하는 방법(International Driving Permit)만 가능

한국에서 운전면허시험을 통해 운전면허를 취득하는 방법

- 시험가능언어: 4개언어(한국어, 영어, 중국어, 베트남어)
- 운전면허 취득절차: 도로교통안전공단 안전운전 통합민원 홈페이지(safedriving.or.kr) 면허취득절차 확인가능
- 다문화가정 운전면허 취득 정보제공: 두근두근 드라이빙 홈페이지(wonderfuldriving.com)

대중교통

시내버스

광주광역시 버스 기본요금

* 어린이(만6세~만12세), 청소년(만13세~만18세), 일반인(만19세이상)

구 분	일반인		청소년		어린이	
	현 금	교통카드	현 금	교통카드	현 금	교통카드
일반버스	1,400원	1,250원	1,000원	800원	500원	400원
좌석버스	1,800원	1,700원	1,500원	1,350원	1,000원	850원

※ 기타노선, 환승, 요금정보 등은 광주광역시버스운행정보 홈페이지 (bus.gwangju.go.kr) 에서 확인가능

지하철

지하철 기본요금

* 어린이(만6세~만12세), 청소년(만13세~만18세), 일반인(만19세이상)

구 분	일반인		청소년		어린이	
	1회용 승차권	교통카드	1회용 승차권	교통카드	1회용 승차권	교통카드
금 액	1,400원	1,250원	1,400원	900원	500원	500원

※ 기타노선, 할인정보 등은 광주광역시 도시철도공사 홈페이지 (grtc.co.kr) 에서 확인가능

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đồn cảnh sát thành phố Gwangju (khai báo/điều tra tội phạm)

Phân biệt	Địa chỉ	Số điện thoại liên hệ
Sở Cảnh sát Gwangju	112 Yonga-ro, Gwangsan-gu, Gwangju	☎ 182
Đồn cảnh sát khu vực Đông Gwangju	33, Yesul-gil, Dong-gu, gwangju	
Đồn cảnh sát khu vực Tây Gwangju	71, Sangmugongwon-ro, Seo-gu, gwangju	
Đồn cảnh sát khu vực Nam Gwangju	9-5, Yongdae-ro 74beonan-gil, nam-gu, gwangju	
Đồn cảnh sát khu vực Bắc Gwangju	172, Seoha-ro, Buk-gu, gwangju	
Đồn cảnh sát Gwangsan Gwangju	551, Eodeung-daero, gwangsan-gu, gwangju	

Phương pháp lấy bằng lái xe

Đổi bằng lái xe của nước mình sang bằng lái xe của Hàn Quốc

Khi đổi bằng lái xe từ quốc gia cho phép đổi sang bằng lái xe của Hàn Quốc (thẩm tra hồ sơ → khám sức khỏe → cấp giấy phép)

Có thể lái xe ở Hàn Quốc khi có bằng lái xe quốc tế(International Driving Permit)

Phương pháp lấy bằng lái xe bằng cách thi bằng lái xe ở Hàn Quốc

- Ngôn ngữ có thể sử dụng khi thi: 4 ngôn ngữ (tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt)
- Thủ tục thi bằng lái xe: Có thể kiểm tra thủ tục thi bằng lái xe trên trang web Dịch vụ dân sự tích hợp về lái xe an toàn của Ủy ban an toàn giao thông đường bộ Hàn Quốc (safedriving.or.kr)
- Thông tin thi bằng lái xe cho gia đình đa văn hóa được cung cấp tại: Trang web Wonderful Driving (wonderfuldriving.com)

Phương tiện giao thông công cộng

Xe buýt nội thành

Giá xe buýt cơ bản tại thành phố Gwangju

* Trẻ em (từ 6 đến 12 tuổi), thanh thiếu niên (từ 13 đến 18 tuổi), người lớn (từ 19 tuổi trở lên)

Phân loại	Người lớn		Thanh thiếu niên		Trẻ em	
	Tiền mặt	Thẻ giao thông	Tiền mặt	Thẻ giao thông	Tiền mặt	Thẻ giao thông
Xe buýt thường	1,400 won	1,250 won	1,000 won	800 won	500 won	400 won
Xe buýt có ghế ngồi	1,800 won	1,700 won	1,500 won	1,350 won	1,000 won	850 won

※ Có thể tham khảo thông tin về các tuyến đường khác, đổi tuyến, giá vé, v.v. trên trang web Thông tin vận hành xe buýt thành phố Gwangju (bus.gwangju.go.kr)

Tàu điện ngầm

Giá vé tàu điện ngầm cơ bản

* Trẻ em (từ 6 đến 12 tuổi), thanh thiếu niên (từ 13 đến 18 tuổi), người lớn (từ 19 tuổi trở lên)

Phân loại	Người lớn		Thanh thiếu niên		Trẻ em	
	Vé một lần	Thẻ giao thông	Vé một lần	Thẻ giao thông	Vé một lần	Thẻ giao thông
Giá vé	1,400 won	1,250 won	1,400 won	900 won	500 won	500 won

※ Có thể tham khảo thông tin về các tuyến đường khác, thông tin giảm giá, v.v. trên trang web của Tổng công ty Đường sắt Thành phố Gwangju (grtc.co.kr)

택시

택시는 24시간 언제나 이용할 수 있고 깨끗하며 안전한 교통수단이며 운전자 포함 5명 이하 탑승가능

- 기본요금(일반택시): 기본요금 4,300원(2km), 거리(134m)와 시간(32초)에 따라 요금이 100원씩 오르며, 자정(밤 12시) 이후 4시까지 20%의 할증요금이 가산됨
- 콜택시 어플: 전화로 택시를 원하는 곳으로 불러서 탈 수 있다.
  - 광주리본택시 (안드로이드, 애플)
  - 카카오T

외국어 재난문자 어플 다운로드 'EMERGENCY READY APP'

- 재난문자 5개 외국어로 제공(영어, 중국어, 일본어, 베트남어, 태국어)

쓰레기 배출방법

일반쓰레기

- 배출일시: 일요일~금요일 오후 8시 ~ 익일 오전 6시
- 배출방법: 종량제 봉투에 담아서 각 가정(상가) 출입구 앞에 배출

재활용품

- 배출일시: 지역별 상이(각 자치구 문의)
- 배출품목: 페트병, 플라스틱, 금속캔, 종이류 등
- 배출방법: 외관상 확인 가능한 투명봉투에 종류별로 담아서 배출

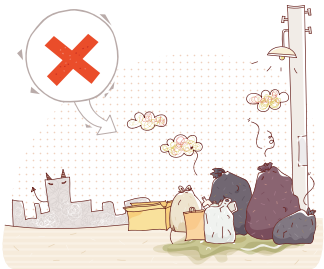
음식물쓰레기

- 배출일시: 일요일~금요일 오후 8시 ~ 익일 오전 6시
- 배출방법: 전용용기에 담아 용기용량에 맞는 납부필증을 용기에 부착후 배출

※ 문의: 동구(062-608-2522), 서구(062-360-7667), 남구(062-607-3631), 북구(062-410-6525), 광산구(062-960-8482)

문 의 처

기 관	전화번호
동구 청소행정과	062-608-2522
서구 청소행정과	062-360-7667
남구 환경관리과	062-607-3631
북구 청소행정과	062-410-6525
광산구 청소행정과	062-960-8482



Taxi

Taxi có thể sử dụng 24/24 giờ, là phương tiện giao thông sạch sẽ và an toàn, có thể chở tối đa 5 người bao gồm cả tài xế.

- Giá cước cơ bản (taxi thông thường): Giá cước cơ bản là 4.300 won (2km), giá cước tăng thêm 100 won tùy theo khoảng cách(134m) và thời gian (32 giây), đồng thời phụ phí 20% được áp dụng từ nửa đêm (12 giờ đêm) đến 4 giờ sáng.
- Ứng dụng Gọi Taxi: Bạn có thể gọi taxi bằng ứng dụng điện thoại để đến địa điểm mong muốn.
  - Gwangju Ribbon Taxi(Android, Apple)
  - Kakao T

Quét mã QR để tải ứng dụng tin nhắn thông báo thảm họa bằng tiếng nước ngoài 'EMERGENCY READY APP'

- Tin nhắn thông báo thảm họa được cung cấp bằng 5 thứ tiếng nước ngoài (tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Nhật, tiếng Việt, tiếng Thái)

Cách vứt rác thải

Rác thải thông thường

- Ngày giờ vứt rác: Từ 8 giờ tối đến 6 giờ sáng của ngày hôm sau từ Chủ Nhật đến Thứ Sáu
- Cách vứt rác: Cho rác vào túi đựng rác quy định thể tích và vứt trước cửa mỗi hộ gia đình (cửa hàng)

Rác tái chế

- Ngày giờ vứt rác: Khác nhau tùy từng vùng (liên hệ từng khu vực tự trị)
- Chủng loại rác tái chế: chai nhựa, nhựa, lon kim loại, giấy, v.v.
- Cách vứt rác tái chế: Vứt bỏ rác theo chủng loại vào túi trong suốt có thể nhìn thấy từ bên ngoài.

Rác thải thực phẩm

- Ngày giờ vứt rác: Từ 8 giờ tối đến 6 giờ sáng của ngày hôm sau từ Chủ nhật đến Thứ Sáu
- Cách vứt rác: Cho vào xô chứa chuyên dụng rồi dán tem thanh toán phù hợp với dung tích rác trước khi vứt.

※ Liên hệ: Dong-gu (062-608-2522), Seo-gu (062-360-7667), Nam-gu (062-607-3631), Buk-gu (062-410-6525), Gwangsan-gu (062-960-8482)

Số điện thoại liên hệ

Cơ quan	Số điện thoại liên hệ
Phòng Hành chính Dọn dẹp, Văn phòng Quận Đông	062-608-2522
Phòng Hành chính Dọn dẹp, Văn phòng Quận Tây	062-360-7667
Phòng Quản lý Môi trường, Văn phòng Quận Nam	062-607-3631
Phòng Hành chính Dọn dẹp, Văn phòng Quận Bắc	062-410-6525
Phòng Hành chính Dọn dẹp, Văn phòng Quận Gwangsan	062-960-8482



09 한국어교육 안내

광주광역시 한국어 교육기관 안내

운영기관명	교육대상	교육과정	비 고	전화번호
광주외국인주민지원센터	외국인주민	무료 지원		1644-3828
가족센터(5개 자치구)	다문화가정	무료 지원	KIIP*운영기관 (서~광산구 /4개구)	동 구: 062-234-5790 서 구: 062-369-0073 남 구: 062-351-5432 북 구: 062-363-2963 광산구: 062-954-8004
(사)고려인마을	고려인	무료 지원	KIIP*운영기관	062-961-1925
(사)외국인근로자문화센터	외국인근로자	비영리민간단체 공익사업	KIIP*운영기관	062-941-2799
글로벌코스모스외국인센터	외국인근로자	비영리민간단체공익사업		062-522-1673
광주국제교류센터	외국인 및 재외동포 등	10주과정 (15만원)		062-226-2733
전남대학교 언어교육원	유학생 등	1학기 10주 / 주20시간 과정 (1학기 130만원)		062-530-3631
조선대학교 한국어학당	유학생 등	1학기 20주/ 주20시간 과정 (1학기 180만원)	KIIP*운영기관	062-230-6675~6
호남대학교 한국어교육원	유학생 등	1학기 10주/ 주20시간 과정 (1학기 120만원)		062-940-5627
광주대학교 한국어과정	유학생 등	1학기 10주/ 주20시간 과정 (1년 440만원)		062-670-2858(중국어) 062-670-2779(베트남) 062-670-2569(몽골어 및 기타)
남부대학교 언어교육원	유학생 등	1학기 10주/ 주20시간 과정 (1학기 120만원)	KIIP*운영기관	062-970-0391~7

온라인 무료 한국어교육 사이트

사이트명	사이트	연락처
EBS 두리안	ebs.co.kr/durian/kr	1588-1580
누리세종학당	nuri.iksi.or.kr	02-3276-0700
스터디코리안	study.korean.net	02-6242-1802
국립국어원	korean.go.kr	02-2669-9775

외국인주민 유용정보 사이트

운영기관명	교육대상	교육과정	전화번호
중도입국청소년	이주배경청소년지원재단	rainbowyouth.or.kr	02-733-7587
	다가치센터	family.gen.go.kr	062-940-8954
법무부	하이코리아	hikorea.go.kr	1345
	출입국외국인정책본부	immigration.go.kr	
	사회통합정보망	socinet.go.kr	
여성가족부	다문화가족지원포털 다누리	liveinkorea.kr	1577-1366
보건복지부	보건복지 콜상담센터	129.go.kr	129
	복지로	bokjiro.go.kr	
고용노동부	고용노동부 홈페이지	moel.go.kr	1350
	외국인고용관리 시스템	eps.go.kr	
	워크넷	work.go.kr	
경찰청	안전Dream 경찰지원센터	safe182.go.kr	182

THÔNG TIN VỀ GIÁO DỤC TIẾNG HÀN

Thông tin về các cơ sở giáo dục tiếng Hàn tại thành phố Gwangju

Tên cơ sở điều hành	Đối tượng giáo dục	Chương trình giảng dạy	Ghi chú	Số điện thoại liên hệ
Trung tâm hỗ trợ cư dân người nước ngoài Gwangju	Cư dân người nước ngoài	Hỗ trợ miễn phí		1644-3828
Trung tâm Gia đình (5 quận)	Gia đình đa văn hóa	Hỗ trợ miễn phí	KIIP*Cơ quan điều hành (Seo ~ Gwangsan-gu/ 4 quận)	Dong gu:062-234-5790 Seo gu:062-369-0073 Nam gu:062-351-5432 Buk gu:062-363-2963 Gwangsan gu:062-954-8004
Làng Koryoin	Người Koryoin	Hỗ trợ miễn phí	KIIP*Cơ quan điều hành	062-961-1925
Trung tâm văn hóa người lao động nước ngoài	Người lao động nước ngoài	Dự án công ích của tổ chức tư nhân phi lợi nhuận	KIIP*Cơ quan điều hành	062-941-2799
Trung tâm người nước ngoài Global Cosmos	Người lao động nước ngoài	Dự án công ích của tổ chức tư nhân phi lợi nhuận		062-522-1673
Trung tâm giao lưu quốc tế Gwangju	Người nước ngoài và kiều bào ở nước ngoài, v.v.	Khóa học 10 tuần (150.000 won)		062-226-2733
Viện Giáo dục Ngôn ngữ Đại học Quốc gia Chonnam	Du học sinh, v.v.	1 học kỳ 10 tuần / khóa học 20 giờ mỗi tuần (1.300.000 won/học kỳ)		062-530-3631
Học viện tiếng Hàn trường đại học Chosun	Du học sinh, v.v.	1 học kỳ 20 tuần / khóa học 20 giờ mỗi tuần (1.800.000 won/học kỳ)	KIIP*Cơ quan điều hành	062-230-6675~6
Trung tâm giáo dục tiếng Hàn trường đại học Honam	Du học sinh, v.v.	1 học kỳ 10 tuần / khóa học 20 giờ mỗi tuần (1.200.000 won/học kỳ)		062-940-5627
Khóa học tiếng Hàn Đại học Gwangju	Du học sinh, v.v.	1 học kỳ 10 tuần / khóa học 20 giờ mỗi tuần (4.400.000 won/năm)		062-670-2858 (tiếng Trung) 062-670-2779 (tiếng Việt) 062-670-2569 (tiếng Mông Cổ và ngôn ngữ khác)
Viện Giáo dục Ngôn ngữ Đại học Nambu	Du học sinh, v.v.	1 học kỳ 10 tuần / khóa học 20 giờ mỗi tuần (1.200.000 won/học kỳ)	KIIP*Cơ quan điều hành	062-970-0391~7

Trang web giáo dục tiếng Hàn trực tuyến miễn phí

Tên trang web	Trang web	Số điện thoại liên hệ
EBS Durian	ebs.co.kr/durian/kr	1588-1580
Học viện Nuri Sejong	nuri.iksi.or.kr	02-3276-0700
Study Korean	study.korean.net	02-6242-1802
Viện ngôn ngữ quốc gia	korean.go.kr	02-2669-9775

Trang thông tin hữu ích cho người nước ngoài

Phân loại	Tên trang web	Trang web	Số điện thoại liên hệ
Thanh thiếu niên nhập cảnh giữa chừng	Quỹ hỗ trợ thanh thiếu niên nhập cư	rainbowyouth.or.kr	02-733-7587
	Trung tâm Dagachi	family.gen.go.kr	062-940-8954
Bộ Tư pháp	Hi Korea	hikorea.go.kr	1345
	Trụ sở chính sách người nước ngoài xuất nhập cảnh	immigration.go.kr	
	Mạng thông tin hội nhập xã hội	socinet.go.kr	
Bộ Bình đẳng giới và Gia đình	Cổng thông tin hỗ trợ gia đình đa văn hóa Danuri	liveinkorea.kr	1577-1366
Bộ Y tế và Phúc lợi	Trung tâm tư vấn sức khỏe và phúc lợi	129.go.kr	129
	Bokjiro	bokjiro.go.kr	
Bộ Lao động và Việc làm	Trang web Bộ Lao động và Việc làm	moel.go.kr	1350
	Hệ thống quản lý lao động người nước ngoài	eps.go.kr	
	Worknet	work.go.kr	
Sở cảnh sát	Trung tâm Hỗ trợ Cảnh sát Giấc mơ An toàn	safe182.go.kr	182

10 알아두면 편리한 생활전화

긴급전화안내

긴급 ☎112(범죄)/☎119(재난)			
해양사건, 사고	122	마약·범죄 종합신고	1301
가스	1544-4500	학교폭력	117
수도	062-121	밀수,관세	125
실종, 범죄상담	182	환경오염	128
불량식품	1399	전기안전	1588-7500
군 위기, 범죄	1303	자살	1393
전기사고	123	노인학대	1577-1389
청소년상담	1388	여성폭력	1366
정신건강상담	1577-0199	사이버테러	118

기타전화안내

보건복지부 콜센터	129	대한법률구조공단	132
인권침해상담	1331	외교부 영사 콜센터	국내: 02-3210-0404 해외: (82-2)3210-0404
외국인력상담센터	1577-0071	국민건강보험공단	1577-1000
정신건강상담	1577-0199	병원약국 안내	1399
소비자상담센터	1372	고용노동부 상담센터	1350

외국인을 위한 통역·상담전화 안내

기관명	상담내용	운영시간
다누리콜센터 ☎1577-1366	- 한국종합생활정보제공, 폭력피해 긴급지원 및 사후관리, 생활통역 및 3자 통화 서비스, 변호사 상담, 가족상담 및 부부상담 - 12개국 통역 영어, 중국어, 베트남어, 필리핀어, 캄보디아어, 몽골어, 러시아어, 일본어, 태국어, 라오스어, 우즈벡어, 네팔어	365일 24시간
외국인종합안내센터 ☎1345	- 출입국 민원 상담 및 생활편의 안내 서비스, 중앙·지자체, 공공기관 및 비영리 기관 업무 3자 통역 서비스, 마을 변호사 제도 3자통역서비스 - 19개국 통역 중국어, 영어, 베트남어, 타이어, 일본어, 몽골어, 인도네시아어, 프랑스어, 방글라데시어, 파키스탄어, 러시아어, 네팔어, 캄보디아어, 미얀마어, 독일어, 스페인어, 필리핀어, 아랍어, 스리랑카어	평일 09:00 ~ 22:00
한국관광공사 ☎1330	- 한국관광정보 안내 9개국 통역	365일 한국어, 영어, 일본어, 중국어, 러시아어(24시간) 베트남어, 태국어, 말레이/인도네시아어(08:00~19:00)
BBB KOREA ☎1588-5644	- 통역봉사단 - 20개국 통역 영어, 일본어, 중국어, 프랑스어, 스페인어, 이탈리아어, 러시아어,독일어, 포르투갈어, 아랍어, 폴란드어, 터키어, 스웨덴어, 태국어, 베트남어, 인도네시아어, 몽골어, 인도어, 말레이시아어, 스와힐리어	365일 24시간

CÁC SỐ ĐIỆN THOẠI HỮU ÍCH TRONG ĐỜI SỐNG

Thông tin số điện thoại khẩn cấp

Khẩn cấp ☎112(Tội phạm)/☎119(Thảm họa)			
Sự cố, tai nạn hàng hải	122	Khai báo tổng hợp về ma túy và tội phạm	1301
Khí ga	1544-4500	Bạo lực học đường	117
Ống thoát nước	062-121	Buôn lậu, thuế quan	125
Mất tích, tư vấn tội phạm	182	Ô nhiễm môi trường	128
Thực phẩm kém chất lượng	1399	An toàn điện	1588-7500
Tội phạm, khủng hoảng quân sự	1303	Tự sát	1393
Tai nạn điện	123	Ngược đãi người cao tuổi	1577-1389
Tư vấn thanh thiếu niên	1388	Bạo lực phụ nữ	1366
Tư vấn sức khỏe tinh thần	1577-0199	Khủng bố mạng	118

Thông tin các số điện thoại khác

Tổng đài Bộ Y tế và Phúc lợi	129	Tổng công ty Trợ giúp Pháp lý Hàn Quốc	132
Tư vấn vi phạm nhân quyền	1331	Tổng đài Lãnh sự Bộ Ngoại giao	Trong nước: 02-3210-0404 Nước ngoài: +82-2-3210-0404
Trung tâm tư vấn lao động nước ngoài	1577-0071	Tổng công ty Bảo hiểm Sức khỏe Quốc dân	1577-1000
Tư vấn sức khỏe tinh thần	1577-0199	Thông tin nhà thuốc bệnh viện	1399
Trung tâm tư vấn người tiêu dùng	1372	Trung tâm Tư vấn Bộ Lao động và Việc làm	1350

Thông tin số điện thoại thông dịch và tư vấn cho người nước ngoài

Tên tổ chức	Nội dung tư vấn	Thời gian hoạt động
Trung tâm cuộc gọi Danuri ☎ 1577-1366	- Cung cấp thông tin toàn diện về cuộc sống Hàn Quốc, hỗ trợ khẩn cấp và giúp đỡ nạn nhân bị bạo lực, dịch vụ thông dịch cuộc sống sinh hoạt và dịch vụ thông dịch ba bên, tư vấn luật sư, tư vấn gia đình và tư vấn vợ chồng. - Thông dịch 12 ngôn ngữ Tiếng Anh, tiếng Trung, tiếng Việt, tiếng Philipin, tiếng Campuchia, tiếng Mông Cổ, tiếng Nga, tiếng Nhật, tiếng Thái, tiếng Lào, tiếng Uzbek, tiếng Nepal	365 ngày 24 giờ
Trung tâm thông tin tổng hợp người nước ngoài ☎ 1345	- Dịch vụ tư vấn dân sự về xuất nhập cảnh và thông tin tiện ích hàng ngày, dịch vụ thông dịch ba bên cho chính quyền trung ương/địa phương, các tổ chức công và tổ chức phi lợi nhuận, dịch vụ thông dịch ba bên cho luật sư. - Thông dịch 19 ngôn ngữ Tiếng Trung, tiếng Anh, tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Nhật, tiếng Mông Cổ, tiếng Indonesia, tiếng Pháp, tiếng Bangladesh, tiếng Pakistan, tiếng Nga, tiếng Nepal, tiếng Campuchia, tiếng Miến Điện, tiếng Đức, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Philippin, tiếng Ả Rập, tiếng Sri Lanka	Ngày thường 09:00-22:00
Tổ chức Du lịch Hàn Quốc ☎ 1330	- Hướng dẫn thông tin du lịch Hàn Quốc Thông dịch 9 ngôn ngữ	365 ngày Tiếng Hàn, tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Nga (24 giờ) Tiếng Việt, tiếng Thái, tiếng Malaysia, tiếng Indonesia (08:00~19:00)
BBB KOREA ☎1588-5644	- Nhóm tình nguyện thông dịch - Thông dịch 20 ngôn ngữ Tiếng Anh, tiếng Nhật, tiếng Trung, tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Ý, tiếng Nga, Tiếng Đức, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ả Rập, tiếng Ba Lan, tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, tiếng Thụy Điển, tiếng Thái, tiếng Việt, tiếng Indonesia, tiếng Mông Cổ, tiếng Ấn Độ, tiếng Malaysia, tiếng Swahili	365 ngày 24 giờ

11 외국인주민 지원 기관·단체 현황

기관·단체명	연락처
광주광역시 (외국인주민과)	062-613-1440
광주광역시 동구 (여성아동과)	062-608-2656
광주광역시 서구 (양성평등과)	062-350-4043
광주광역시 남구 (여성가족과)	062-607-3531
광주광역시 북구 (청년미래정책관)	062-410-8027
광산구 (외국인주민과)	062-960-4136
동구가족센터	062-234-5790
서구가족센터	062-369-0072
남구가족센터	062-351-9337
북구가족센터	062-363-2963
광산구가족센터	062-954-8004

기관·단체명	연락처
광주외국인주민지원센터	1644-3828
다누리콜센터 광주센터	062-366-1366
(사)광주이주민건강센터	062-956-3353
(사)광주이주민종합지원센터	062-962-3004
(사)고려인마을종합지원센터	062-961-1925
광주이주민지원센터	062-959-9335
(사)아시아인권문화재단	062-224-7448
새날학교	062-943-8935
광주이주여성지원센터	070-7502-6797

12 유학생 관련정보

비자신청 및 연장

비자네비게이터에서 확인 visa.go.kr/openPage.do?MENU_ID=10101#this

시간제 취업

기본원칙 통상적으로 학생이 행하는 시간제취업(단순노무 등)에 한정

신청방법 근로계약 ⇒ 시간제취업확인서 작성(대학 국제교류처 등) ⇒ 출입국관리사무소 신청 ⇒ 허가 또는 불허

대상 및 허용범위 체류자격별 상이 ☞ 스터디인코리아에서 확인 studyinkorea.go.kr/ko/study/ForeignParttime.do

상담이 필요할 때

기관	연락처	기관	연락처
광주외국인주민지원센터	1644-3828	호남대학교 학생상담센터	062-940-5630
전남대학교 국제협력과	062-530-3787	송원대학교 국제교육원	062-360-5911
조선대학교 국제협력팀	062-230-6497		

CÁC CƠ QUAN TỔ CHỨC HỖ TRỢ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

11

Tên cơ quan/tổ chức	Số điện thoại liên hệ
Gwangju (Phòng cư dân người nước ngoài)	062-613-1440
Dong-gu, Gwangju (Phòng Phụ nữ và Trẻ em)	062-608-2656
Seo-gu, Gwangju (Phòng Bình đẳng giới)	062-350-4043
Nam-gu, Gwangju (Phòng Phụ nữ và Gia đình)	062-607-3531
Buk-gu, Gwangju (Trung tâm Chính sách Tương lai Thanh niên)	062-410-8027
Gwangsan-gu (Phòng cư dân người nước ngoài)	062-960-4136
Trung tâm Gia đình Dong-gu	062-234-5790
Trung tâm gia đình Seo-gu	062-369-0072
Trung tâm Gia đình Namgu	062-351-9337
Trung tâm Gia đình Buk-gu	062-363-2963
Trung tâm Gia đình Gwangsan-gu	062-954-8004

Tên cơ quan/tổ chức	Số điện thoại liên hệ
Trung tâm hỗ trợ cư dân người nước ngoài Gwangju	1644-3828
Tổng đài Danuri Trung tâm Gwangju	062-366-1366
Trung tâm Y tế người nhập cư Gwangju	062-956-3353
Trung tâm hỗ trợ toàn diện người nhập cư Gwangju	062-962-3004
Trung tâm hỗ trợ toàn diện làng Koryoin	062-961-1925
Trung tâm hỗ trợ người nhập cư Gwangju	062-959-9335
Tổ chức Văn hóa Nhân quyền Châu Á	062-224-7448
Trường Saenal	062-943-8935
Trung tâm hỗ trợ phụ nữ nhập cư Gwangju	070-7502-6797

THÔNG TIN DÀNH CHO DU HỌC SINH

12

Nộp đơn xin và gia hạn visa

Kiểm tra tại Visa Navigator https://www.visa.go.kr/openPage.do?MENU_ID=10101#this

Việc làm bán thời gian

Nguyên tắc cơ bản Giới hạn ở việc làm bán thời gian (lao động đơn giản, v.v.) thường do sinh viên thực hiện.

Cách đăng ký Ký kết hợp đồng lao động ⇒ Viết giấy xác nhận việc làm bán thời gian (tại Văn phòng Quan hệ Quốc tế của trường đại học, v.v.) ⇒ Đăng ký tại Văn phòng Xuất nhập cảnh ⇒ Cho phép hoặc không chấp thuận

Đối tượng và phạm vi cho phép Khác nhau tùy theo tình trạng cư trú ☞ Xác nhận tại Study in Korea studyinkorea.go.kr/ko/study/ForeignParttime.do

Khi cần tư vấn

Cơ quan	Số điện thoại liên hệ	Cơ quan	Số điện thoại liên hệ
Trung tâm Hỗ trợ Người nước ngoài Gwangju	1644-3828	Trung tâm Tư vấn Sinh viên Đại học Honam	062-940-5630
Khoa Hợp tác Quốc tế Đại học Quốc gia Chonnam	062-530-3787	Viện Giáo dục Quốc tế Đại học Songwon	062-360-5911
Nhóm Hợp tác Quốc tế Đại học Chosun	062-230-6497		

Trung tâm Người nước ngoài Gwangju

Trung tâm hỗ trợ cư dân nước ngoài Gwangju nhằm mục đích tạo ra "một 'thành phố Gwangju hòa nhập' với cư dân nước ngoài". Đây là tổ chức hỗ trợ cư dân nước ngoài trở thành thành viên bình đẳng của cộng đồng địa phương.

Chương trình

- 〈Dịch vụ thông tin toàn diện cho người nước ngoài〉 hỗ trợ định cư tại địa phương cho cư dân nước ngoài

  Tư vấn toàn diện cho người nước ngoài, các chuyến công tác đặc biệt và tư vấn tại chỗ cho người nước ngoài, ngày tư vấn toàn diện, nhóm tình nguyện viên 'Hướng dẫn cuộc sống tại Gwangju' của cư dân nước ngoài

  ※ Ngày tư vấn toàn diện được tổ chức vào Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng.

- 〈Giáo dục〉 để tăng cường khả năng tự lực của cư dân nước ngoài

  Giáo dục tiếng Hàn, giáo dục thông tin, giáo dục định cư 'Định hướng cuộc sống tại Gwangju', giáo dục năng lực việc làm

  ※ Khóa đào tạo định cư 'Định hướng cuộc sống Gwangju' được tổ chức vào Chủ nhật đầu tiên của mỗi tháng.

  ※ Tất cả các khóa đào tạo có thể đăng ký thông qua trang web hoặc qua điện thoại.

- 〈Hỗ trợ trao đổi văn hóa〉 để mở rộng giao tiếp giữa người dân Gwangju và cư dân nước ngoài

  Chương trình tham quan văn hóa bạn bè toàn cầu, lớp học ngôn ngữ văn hóa toàn cầu, dự án hỗ trợ cộng đồng toàn cầu, ngày Nhân dân Thế giới

Hướng dẫn

Thời gian hoạt động 9:00–18:00 thứ Hai ~ Chủ nhật (nghỉ vào các ngày lễ)

Số điện thoại liên hệ **1644-3828**

Ngôn ngữ được cung cấp

(Thứ Hai ~ Chủ Nhật) Tiếng Anh, Tiếng Trung, Tiếng Việt, Tiếng Uzbekistan, Tiếng Nga

(Thứ Bảy ~ Chủ nhật) Tiếng Việt, Tiếng Mông Cổ, Tiếng Thái, Tiếng Philippin, Tiếng Khmer, Tiếng Nepal

Địa chỉ 82, Pungyeong-ro 145beon-gil, Gwangsan-gu, Gwangju

girc.or.kr
girc@gic.or.kr
facebook.com/girc16443828
instagram.com/girc16443828